

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 80/2024/HNGĐ - ST

Ngày 11/9/2024

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Huy Khoa và bà Cao Thị Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐ- TA ngày 23/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, Sinh năm: 1955;

HKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, TP T, tỉnh Thái Bình

Bị đơn : Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 07/7/2024 và trong quá trình tố tụng bà Phạm Thị H trình bày:

Bà và ông Phạm Văn H1 kết hôn tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 1976 nhưng do lâu ngày bà đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H1 tính tình nóng nảy thường hay chửi bới đánh đập bà. Từ năm 2015 bà đi làm giúp việc, ông H1 còn tìm đến tận nơi bà làm đánh bà. Cuối năm 2016 mâu thuẫn căng thẳng bà đi làm, thuê nhà ở riêng không về chung sống với ông H1 nữa. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Ngày mùng 3 tết âm lịch năm năm 2024 khi bà về nhà mẹ đẻ ở xã Đ ông H1 còn đến tận nhà mẹ đẻ của bà đập phá nhà cửa của mẹ đẻ bà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng bà không muốn tồn tại cuộc sống hôn nhân với ông H1 nên bà nhất định xin được ly hôn ông H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có 03 con chung là Phạm Thị H2, sinh năm 1978; Phạm Thị Thu H3, sinh năm 1984; và Phạm Minh T, sinh năm 1981. Ly hôn cả 03 con chung đều đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình tố tụng ông Phạm Văn H1 trình bày: Ông và bà H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình từ năm 1976, nhưng đến nay không còn lưu trữ được giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không thống nhất được cách dạy con, bà H tự ý bỏ đi không nói gì với ông. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn bà H xin ly hôn, ông H1 không muốn vợ chồng ly hôn nhưng bà H cố tình thì ông H1 cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung là Phạm Thị H2, sinh năm 1978; Phạm Thị Thu H3, sinh năm 1984; và Phạm Minh T, sinh năm 1981. Ly hôn cả 03 con chung đều đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của bà H đã tuân thủ quy định của pháp luật, ông H1 chưa đã tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227, **khoản 1 Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 35/QH10 ngày 09/6/2000, Điều 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, xử cho bà H được ly hôn ông H1. Về con chung: Ông H1 và bà H có 03 con chung đã trưởng

thành tự lập về kinh tế nên không phải giải quyết. Về tài sản chung: không giải quyết, M án phí cho bà H và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông H1 vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông H1 chung sống như vợ chồng từ năm 1976, là hôn nhân thực tế. Quá trình chung sống đã có 03 con chung đều đã trưởng thành. Ông H1, bà H đã sống ly thân từ thời gian đã dài. Nay bà H có đơn xin ly hôn, ông H1 chấp nhận ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho bà H được ly hôn ông H1.

[3] Về con chung: Ông H1 và bà H có 03 con chung là Phạm Thị H2, sinh năm 1978; Phạm Thị Thu H3, sinh năm 1984; và Phạm Minh T, sinh năm 1981, cả 03 con chung đều đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Miễn án phí cho bà H, do bà H là người cao tuổi, có bố đẻ là liệt sỹ có đơn xin miễn án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 09/6/2000 Quốc hội khóa X, Điều 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị H được ly hôn ông Phạm Văn H1.

2/Về con chung: Ông H1 và bà H có 03 con chung là Phạm Thị H2, sinh năm 1978; Phạm Thị Thu H3, sinh năm 1984; và Phạm Minh T, sinh năm 1981, cả 03 con chung đều đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không phải giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Miễn án phí cho bà Phạm Thị H. Hoàn trả cho bà H số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003260 ngày 16/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
 - VKS huyện Đông Hưng;
 - VKSND tỉnh Thái Bình;
 - Thi hành án dân sự Đông Hưng;
 - UBND xã Đông Hoàng;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Nhung

